

Bản án số: 24/2018/HSST
Ngày 19/4/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q, TỈNH SƠN LA**

Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bàn Văn Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Điều Chính Thuận - Bí thư huyện Đoàn huyện Quỳnh Nhai.

Ông Vừ A Chứ - Cán bộ Phòng Nông nghiệp huyện Quỳnh Nhai.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Tòng Văn Cách - Cán bộ Tòa án.

Đại diện VKSND huyện Q tham gia phiên tòa: Ông Thào Lịch Sử - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Sơn La, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 20/2018/TLST - HS ngày 30 tháng 01 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16b/2018/QĐXXST - HS ngày 09 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo.

1/ Họ và tên: **Lý A N**, tên gọi khác: Không; sinh năm 1982, Nơi sinh và nơi ĐKKHKT: Bản K, xã C, huyện Q, tỉnh Sơn La; Dân tộc; Mông; Quốc tịch; Việt Nam; Tôn giáo; Không. Đảng phái, đoàn thể: Không. Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hoá: Không biết chữ; con ông: Lý A S, con bà Cứ Thị C (đã chết); Có vợ là Má Thị S và 04 con, lớn nhất 12 tuổi, nhỏ nhất 07 tuổi

Tiền án; tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam, giữ từ ngày 29/9/2017 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2/ Người bị hại: Cháu Giàng Thị S, sinh ngày 03/8/2004; Nơi đăng ký HKTT: Bản H, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu, vắng mặt.

3/ Người đại diện hợp pháp cho người bị hại: Anh Giàng A C; sinh năm 1971; Nơi đăng ký HKTT: Bản H, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu, vắng mặt.

4/ Người phiên dịch tiếng Mông: Ông Sùng A M; trú tại X, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, vụ án được tóm tắt như sau:

Tại nhà Lý A N ở bản K, xã C, huyện Q, tỉnh Sơn La, trong các ngày 05 đến ngày 09 và nhiều ngày khác trong tháng 7 năm 2017 Lý A N đã nhiều lần thực hiện hành vi giao cấu với Giàng Thị S là trẻ em mới trên 13 tuổi nhằm mục đích thỏa mãn dục vọng.

Ngày 31/8/2017 Cơ quan điều tra Công an huyện Q ra quyết định trưng cầu giám định số 81 để giám định mức độ tổn thương bộ phận sinh dục của Giàng Thị S và có thai không?.

Tại bản kết luận số 41/TD ngày 05/9/2017 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Sơn La đã kết luận: *“Màng trinh rách cũ điểm 9h, 11h, 1h và 3h, tại thời điểm giám định Giàng Thị S không có thai”*.

Ngày 31/8/2017 Cơ quan điều tra Công an huyện Q ra quyết định trưng cầu giám định số 87 để giám định độ tuổi của Giàng Thị S.

Tại kết luận số 144/ĐT ngày 19/9/2017 của Viện pháp y Quốc gia Kết luận: *“Qua kết quả khám lâm sàng và xét nghiệm cận lâm sàng, sự phát triển về thể chất của cơ thể, sự mọc răng và đặc điểm cốt hóa của các đầu xương chưa liền hoàn toàn vào thân xương. Xác định Giàng Thị S có độ tuổi từ 13 năm đến 13 năm 06 tháng (Tại thời điểm giám định là ngày 13/9/2017)”*.

Ngày 31/8/2017 Cơ quan điều tra Công an huyện Q ra quyết định trưng cầu giám định số 100 về khả năng sinh dục nam của Lý A N.

Tại bản kết luận số 41/TD ngày 05/9/2017 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Sơn La đã kết luận: *“Tại thời điểm giám định khả năng sinh lý sinh dục của Lý A N bình thường”*.

Ngày 23/8/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Q nhận được đơn của ông Giàng A C thường trú: Bản H, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu về việc: Ngày 05/7/2017 Lý A N trú tại bản K, xã C, huyện Q, tỉnh Sơn La có hành vi bắt cóc Giàng Thị S, sinh năm 2004 về làm vợ, đến ngày 20/7/2017 Lý A N lại trả Giàng Thị S về, ông C đề nghị điều tra xử lý theo quy định của pháp luật. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Q đã tiến hành điều tra, cụ thể như sau:

Lý A N; sinh năm 1982 trú tại bản K, xã C, huyện Q, tỉnh Sơn La, có vợ là Má Thị S (*không có đăng ký kết hôn*). Vào khoảng tháng 4/2017 S bỏ nhà đi tìm việc làm và không báo tin cho N biết. Ngày 05/7/2017 N điều khiển xe máy BKS 26B1 - 15282 đi thăm họ hàng tại xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Trên đường về nhà đến khu vực bản C, xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu thì gặp Giàng Thị S, sinh năm 2004 trú tại bản H, xã

T, huyện T, tỉnh Lai Châu đang đi chơi cạnh đường, N nảy sinh ý định lấy S về làm vợ, nên dừng xe nói chuyện với S, S biết được họ, tên và nơi ở của N, N hỏi S “*có muốn làm vợ anh không?*” S suy nghĩ một lúc, rồi nhất trí về làm vợ N. N điều khiển xe máy chở S về nhà và N đã thực hiện các hành vi giao cấu với S như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 24 giờ cùng ngày khi về đến nhà, N dọn giường cho S và bảo S lên giường nằm cùng N, S đồng ý. Khi 02 người ngủ trên giường, N quay sang cởi váy (váy mỏng) của S xuống đến đầu gối, N cởi quần của N xuống đến đầu gối và nằm đè lên người, S dùng hai tay đẩy ngực N ra và nói. *Đừng làm như vậy, sẽ có con đấy*”, nhưng N vẫn nằm đè lên người, S không chống cự và duỗi chân theo chiều nằm, N cho dương vật vào hộ của và thực hiện giao cấu. Giao cấu xong, S và N ngủ chung giường.

Lần thứ hai: Đêm ngày 06/7/2017 khi đi ngủ, N lại nằm đè lên người S và cho dương vật vào âm hộ thực hiện hành vi giao cấu, lần này S không phản ứng và để cho N giao cấu.

Các lần tiếp theo: Là đêm 07, 08 và ngày 09 và các ngày tiếp theo, N tiếp tục thực hiện hành vi giao cấu với S và S đều đồng ý vì S nghĩ N đã là chồng của S.

Ngày 07/7/2017 Giàng A C (*bố đẻ của Sa*) biết tin N đã dẫn S về làm vợ, C tìm đến nhà N mục đích đón S về. Nhưng khi đến nhà, N nói với C “*tôi lấy S làm vợ rồi, có vi phạm gì thì tôi chịu trách nhiệm*” C đáp lại “*cháu chưa đủ tuổi lấy chồng*” và kéo S về nhưng S không về và nói là sẽ lấy N làm chồng. C không ngăn được nên đã quay về nhà.

Ngày 13/7/2017 Nhạ cùng chú ruột là Lý A G sinh năm 1963 trú tại bản N, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu đưa S đến nhà C để làm thủ tục cưới vợ theo phong tục tập quán của dân tộc Mông. Lúc đầu C và vợ (*Thào Thị D*) không đồng ý, nhưng vì biết đã ngủ với N nhiều ngày nên C và D buộc phải đồng ý cho N và S lấy nhau. Khi được sự đồng ý của bố, mẹ S, N tiếp tục đưa S về nhà mình. Đến ngày 19/7/2017 N và S đang ở nhà thì vợ của N là Má Thị S quay về nhà và biết được việc N lấy S làm vợ, S không đồng ý và yêu cầu N đưa S về giao cho gia đình C. Ngày 20/7/2017 N đưa S về nhà C và đưa cho C số tiền 5.000 000đ để bồi thường nhưng C không đồng ý và đã gửi đơn đến cơ quan chức năng để giải quyết như đã nêu trên.

Hiện trường; được xác định là nhà của Lý A N trú tại bản K, xã C, huyện Q, tỉnh Sơn La. Nhà gỗ lợp Prôximăng, thung ván và liếp tre, nền được lát xi măng. Vị trí N thực hiện hành vi giao cấu với Giàng Thị S là chiếc giường gỗ kê ở góc tây bắc gian thứ nhất của ngôi nhà. Giường có kích thước là 2,1 m x 1,5 m, từ mặt đất nền nhà đến mép giường là 38cm, trên giường trải bằng 01 tấm đệm xốp, vỏ đệm bằng vải hoa và đặt tương ứng với kích thước của giường.

Do có hành vi nêu trên tại bản cáo trạng số: 09/KSĐT - KT ngày 26 tháng 01 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q đã truy tố các bị cáo Lý A N về tội: Giao cấu với trẻ em theo điểm a khoản 2 điều 115 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên toà Kiểm sát viên phát biểu luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Lý A N phạm tội Giao cấu với trẻ em; Đề nghị Hội đồng xét xử; Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 115, điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

- Xử phạt bị cáo Lý A N từ 36 (Ba mươi sáu) đến 42 (Bốn mươi hai) tháng tù.

Về dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện bồi thường về danh dự, nhân phẩm, tổn thất tinh thần của gia đình bị cáo Lý A N cho người bị hại với số tiền là 11.500 000đ. Gia đình bị hại không yêu cầu bồi thường gì khác. Cần chấp nhận.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ, đã đ-ợc thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Q, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa về thời gian, địa điểm và diễn biến sự việc phù hợp với các căn cứ khác: Biên bản khám nghiệm hiện trường; Kết luận giám định của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Sơn La đã kết luận: “Màng trinh rách cũ điểm 9h, 11h, 1h và 3h, tại thời điểm giám định Giàng Thị S không có thai”, kết luận của Viện pháp y Quốc về độ tuổi đối với Giàng Thị S và kết luận của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Sơn La về sinh lý nam đối với Lý A Nhạ.

Như vậy: Có đủ căn cứ kết luận: Tại nhà Lý A N ở bản K, xã C, huyện Q, tỉnh Sơn La, trong các ngày 05 đến ngày 09 và nhiều ngày khác trong tháng 7 năm 2017 Lý A N đã nhiều lần thực hiện hành vi giao cấu với Giàng Thị S là trẻ em mới trên 13 tuổi nhằm mục đích thỏa mãn dục vọng. Hành vi trên của bị cáo Lý A N đã phạm vào tội Giao cấu với trẻ em, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 115 của Bộ luật hình sự năm 1999. Có mức hình phạt từ 03 đến 10 năm tù. Và theo Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung quy định mức phạt tù là từ 03 năm đến 10 năm tù. Như vậy; Việc áp

dụng điểm a khoản 2 Điều 115 Bộ luật hình sự năm 1999 để quyết định hình phạt tù đối với bị cáo cũng đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

Xét tính chất vụ án: Bị cáo Lý A N nhận thức được việc lợi dụng sự non nớt, thiếu hiểu biết của người bị hại và dụ dỗ cháu Giàng Thị S mới từ 13 tuổi đến 13 tuổi 06 tháng về nhà mình để thực hiện hành vi giao cấu nhằm mục đích thỏa mãn dục vọng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội và người khác, xâm phạm đến sự phát triển bình thường về thể chất và tâm sinh lý của người chưa thành niên, xâm phạm đến danh dự nhân phẩm của người bị hại, gây hoang mang dư luận quần chúng nhân dân và ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương nên cần có hình phạt tù tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm của bị cáo nhằm cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, nhằm giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình, cho xã hội và nhằm răn đe phòng ngừa tội phạm này nói chung.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và tích cực bồi thường về dân sự là tình tiết giảm trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

***Về trách nhiệm dân sự:**

Ngày 09/9/2017 gia đình Lý A N đã thỏa thuận với gia đình Giàng Thị S, thống nhất bồi thường danh dự, nhân phẩm và tổn thất tinh thần cho gia đình Giàng Thị S với số tiền là 11.500 000đ, gia đình Giàng A C đã nhận đủ và không yêu cầu gì khác. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, do vậy cần chấp nhận.

Về hành vi của Giàng A C, Thào Thị D và Lý A Gliên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Lý A N là sẽ tổ chức đám cưới cho N và S đều là người sống ở vùng sâu, vùng xa, nhận thức pháp luật thì hạn chế; Do vậy không đặt vấn đề xử lý là có căn cứ.

Đối với chiếc xe máy BKS 26B1 - 152.83 bị cáo N dùng vào việc chở Sa là tài sản chung của gia đình bị cáo, việc N điều khiển xe máy sang xã T, huyện T thăm họ hàng, khi quay về gặp S, qua nói chuyện, S đồng ý lên xe về làm vợ N, không nhằm mục đích phục vụ hành vi phạm tội của bị cáo N, nên Cơ quan điều tra Công an huyện Q không thu giữ là đúng theo quy định của pháp luật.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố bị cáo Lý A N phạm tội: Giao cấu với trẻ em.

* Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 115, điểm b, p khoản 1 Điều 46, của Bộ luật hình sự năm 1999.

- Xử phạt bị cáo Lý A N 42 (Bốn mươi hai) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 29/9/2017

2/ Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận sự thỏa thuận bồi thường dân sự giữa gia đình bị cáo Lý A N với gia đình Giàng A C với số tiền là 11.500 000đ, gia đình Giàng A C đã nhận đủ và không yêu cầu gì khác.

3/ Về án phí: Áp dụng điều 135 BLTTHS năm 2015 và Điều 21, 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án - Bị cáo Lý A N phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 19/4/2018.

Người bị hại và người đại diện hợp pháp cho người bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại xã, phường, thị trấn.

Nơi nhận:

- TA ND Tỉnh
- VKSND (02)
- Công an (02)
- THA hình sự
- THA dân sự
- UBND xã c
- Bị cáo
- Người bị hại
- Người liên quan
- L- u án văn
- L- u hồ sơ.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bàn Văn Hoàng